

HOSE 25/07/2014

VNINDEX 600.14 -1.91 -0.32%
 KLGD 99,969,048 CP
 GTGD 1,680.38 Tỷ
 GTR NDTNN 33.82 Tỷ

CP Tăng giá 77 CP
 CP Giảm giá 166 CP
 CP Đứng giá 61 CP



Tâm điểm

- ▶ **Bán mạnh cuối phiên, 2 sàn đóng cửa ở mức thấp nhất phiên**
- ▶ **Thanh khoản thị trường tiếp tục gia tăng nhẹ**
 Tổng giá trị giao dịch cả 2 sàn đạt mức khoảng 2,100 tỷ đồng
- ▶ **Đầu tư nước ngoài đạt 9.53 tỷ USD trong 7 tháng đầu năm**
 Kết quả này bằng 80.1% cùng kỳ 2013
 VOVonline
- ▶ **Nợ công đến 31/12/2012 giảm trên 1632 tỷ đồng sau kiểm toán**
 Theo báo cáo kiểm toán năm 2013 của Kiểm toán Nhà nước
 DVO
- ▶ **IMF: Kinh tế toàn cầu phục hồi chậm nhưng chắc**
 Theo IMF, kinh tế toàn cầu dự kiến tăng trưởng 3.4% năm 2014 và 4% năm tiếp theo
 DVO/IMF
- ▶ **CCL: 6 tháng chỉ hoàn thành 12.2% kế hoạch cả năm**
 Lãi ròng lũy kế 6 tháng của CCL chỉ tăng 4% so với cùng kỳ.
 Người Đồng Hành
- ▶ **FMC: Lãi quý 2/2014 tăng vượt trội**
 Quý 2, FMC đạt gần 19 tỷ đồng LNST, tăng so với mức lãi ròng 1 tỷ đồng cùng kỳ
 Trí Thức Trẻ/HSX

HNX 25/7/2014

HNXINDEX 79.43 -0.99 -1.23%
 KLGD 40,950,505 CP
 GTGD 521.05 Tỷ
 GTR NDTNN 21.90 Tỷ

CP Tăng giá 90 CP
 CP Giảm giá 133 CP
 CP Đứng giá 156 CP



Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo thị trường					
HOSE	1,072,464	14.5	3.3	21.2%	11.3%
HNX	130,435	16.8	1.7	7.9%	4.0%
Toàn bộ thị trường	1,202,899	16.3	3.1	19.9%	10.6%

Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	6,953	5.9	0.9	15.4%	10.5%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	18,259	7.0	1.4	20.0%	14.9%
Thép và sản phẩm thép	39,215	20.9	2.0	18.6%	7.9%
Khai khoáng	12,251	65.2	5.8	0.4%	0.1%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	21,634	17.9	1.3	11.6%	8.2%
Xây dựng	30,055	50.8	1.1	-3.2%	1.7%
Máy công nghiệp	8,611	6.6	1.4	21.4%	14.8%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,352	13.5	1.4	15.2%	11.5%
Lốp xe	7,929	9.8	2.5	26.8%	11.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	16,156	9.9	1.3	14.9%	6.5%
Thực phẩm	208,808	24.1	5.1	22.4%	17.3%
Dược phẩm	16,002	12.2	3.1	25.4%	16.6%
Phần mềm	18,343	11.3	1.9	22.2%	9.6%
Sản xuất & phân phối điện	23,379	6.0	1.3	-6.4%	3.2%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	222,484	18.7	6.0	32.9%	22.1%
Bảo hiểm nhân thọ	28,920	23.5	2.3	10.0%	2.3%
Môi giới chứng khoán	25,749	14.4	1.4	8.2%	6.2%
Ngân hàng	244,511	11.0	1.2	11.1%	0.9%
Bất động sản	141,411	11.9	2.6	27.6%	6.9%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	43,472	11.1	2.2	20.9%	8.5%

VN30 & HNX30 INDEX

VN30 641.96 -4.68 -0.72%
 HNX30 159.09 -3.44 -2.12%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

Đầu tư nước ngoài đạt 9.53 tỷ USD trong 7 tháng đầu năm

Nợ công đến 31/12/2012 giảm trên 1632 tỷ đồng sau kiểm toán

IMF: Kinh tế toàn cầu phục hồi chậm nhưng chắc

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

CCL: 6 tháng chỉ hoàn thành 12.2% kế hoạch cả năm

FMC: Lãi quý 2/2014 tăng vượt trội

CTN: Lỗ ròng 15 tỷ đồng 6 tháng đầu năm

► Tin kinh tế

Theo Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), trong 7 tháng đầu năm 2014, các nhà đầu tư nước ngoài đã đăng ký đầu tư vào Việt Nam 9.53 tỷ USD, bằng 80.1% so với cùng kỳ 2013. Ước tính đến ngày 20/7, các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài đã giải ngân được tỷ 6.8 tỷ USD. Trong 7 tháng đầu năm, xuất khẩu của khu vực đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 55.83 tỷ USD. Xuất khẩu không kể dầu thô trong 7 tháng đạt 51.22 tỷ USD. Kim ngạch nhập khẩu của khu vực này cũng đạt 46.04 tỷ USD. Tính chung 7 tháng, khu vực đầu tư nước ngoài xuất siêu 9.78 tỷ USD.

Sáng nay, 25/7/2014, Kiểm toán Nhà nước (KTNN) đã tổ chức họp báo công bố báo cáo kiểm toán năm 2013. Báo cáo cho thấy số liệu nợ công đến 31/12/2012 giảm 1,632.2 tỷ so với số báo cáo tại báo cáo các chỉ tiêu giám sát nợ do Bộ tài chính tổng hợp thừa, thiếu một số khoản vay, khoản nợ. Kết quả kiểm toán cũng cho biết, tổng thu ngân sách nhà nước năm 2012 là 1,058,140 tỷ đồng, vượt 1.9% dự toán. Tổng chi ngân sách nhà nước 1,170,924 tỷ đồng, vượt 8.3% dự toán. Trong đó, chi đầu tư phát triển 268,812 tỷ đồng, bằng 31.1% tổng chi ngân sách, vượt 49.3% dự toán; chi thường xuyên 603,372 tỷ đồng, vượt 0.3% dự toán; chi trả nợ, viện trợ 105,838 tỷ đồng, vượt 5.8% dự toán.

Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) vừa công bố Báo cáo Cập nhật Triển vọng kinh tế toàn cầu (WEO). Trong đó, IMF nhận định, kinh tế toàn cầu đã tăng trưởng chậm lại so với dự báo trong quý I/2014, phần lớn là do một số yếu tố tạm thời như thời tiết khắc nghiệt mùa đông đã kéo giảm nhu cầu trong nước tại Mỹ. Báo cáo cập nhật WEO dự báo, tăng trưởng toàn cầu sẽ phục hồi nhờ những trở ngại tạm thời lu mờ dần và chính sách hỗ trợ kinh tế hiện nay đã có nền tảng vững chắc. Theo IMF, kinh tế toàn cầu dự kiến sẽ tăng trưởng 3.4% năm 2014 và 4% năm tiếp theo. Tuy nhiên, dự báo cho năm 2014 lại thấp hơn so với dự báo hồi tháng 4 của IMF.

► Tin doanh nghiệp

CTCP Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long (HOSE: CCL) vừa công bố Báo cáo tài chính quý 2 năm 2014. Theo đó, doanh thu thuần giảm 49% so với cùng kỳ còn 9.5 tỷ đồng. Tuy nhiên do giảm mạnh giá vốn tới 60% nên trong kỳ lãi gộp tăng khoảng 800 triệu đồng, tương đương 36%. Lợi nhuận sau thuế đạt 1.25 tỷ đồng, tăng 67%. Mặc dù có mức tăng trưởng lợi nhuận khá ấn tượng so với quý 2 năm 2013, nhưng lãi ròng lũy kế 6 tháng của CCL chỉ tăng 4% so với cùng kỳ. Đầu năm, công ty đặt mục tiêu đạt tổng doanh thu 85 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 10.2 tỷ đồng, trả cổ tức 10%. Như vậy nếu so sánh với kế hoạch táo bạo mà CCL đề ra thì lợi nhuận sau thuế của CCL lũy kế đến nay mới chỉ đạt được vón vẹn 12.2%.

Theo BCTC quý 2/2014 của CTCP Thực phẩm Sao Ta (HOSE: FMC), doanh thu thuần đạt 689.3 tỷ đồng tăng 52.28% so với cùng kỳ và chủ yếu đến từ doanh thu xuất khẩu, khoản mục này sẽ còn cao hơn nếu trong kỳ công ty không có 12.2 tỷ đồng hàng bán bị trả lại làm giảm trừ doanh thu. Giá vốn hàng bán chiếm hơn 92% trong doanh thu thuần trong khi cùng kỳ lên tới 95.2% nên lợi nhuận gộp đạt gần 54 tỷ đồng tăng mạnh 148.64% so với quý 2/2014. Trong kỳ, chi phí lãi vay tăng 8.33%; chi phí bán hàng tăng 59.2%; chi phí QLDN tăng 67% nhưng FMC vẫn đạt gần 19 tỷ đồng LNST tăng vượt trội so với mức lãi ròng vốn vắn hơn 1 tỷ đồng cùng kỳ. EPS riêng quý 2/2014 đạt 1,550 đ/CP. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2014, doanh thu thuần đạt 1,244.2 tỷ đồng tăng 66%; LNST đạt 23.23 tỷ đồng tăng gấp 12 lần cùng kỳ tương đương EPS đạt 1,787 đ/CP.

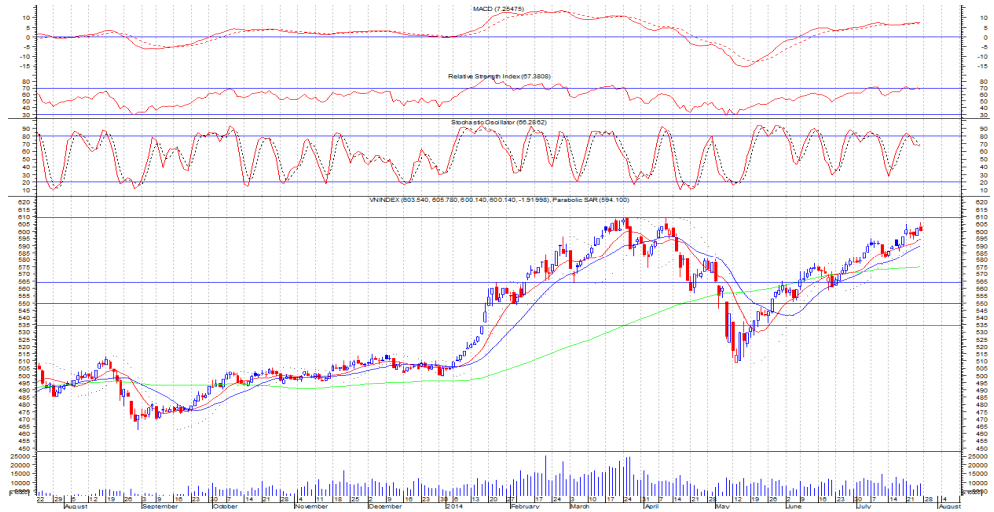
Công ty cổ phần Công trình ngầm (HNX: CTN) công bố kết quả kinh doanh quý 2 và 6 tháng đầu năm 2014. Cũng như quý 1 trước đó, quý 2 năm nay CTN tiếp tục thua lỗ do doanh thu thiếu hụt nghiêm trọng. Cụ thể, doanh thu thuần của CTN quý 2 chỉ đạt 9.6 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ đạt 65 tỷ đồng. Doanh thu eo hẹp, lãi gộp của công ty chỉ ở mức 685 triệu đồng. Sau khi trang trải các chi phí, trong đó đáng kể nhất là khoản chi phí lãi vay 5.7 tỷ đồng, CTN chính thức báo lỗ 6.7 tỷ đồng trong riêng quý 2. Quý 2 năm trước, lợi nhuận của CTN chưa đến nửa tỷ đồng. Lũy kế 6 tháng, công ty lỗ ròng 15 tỷ đồng trong khi cùng kỳ lãi ròng 937 triệu đồng.

HOSE 25/07/2014 VNINDEX 600.14 -1.91 -0.32% 99,969,048 CP 1,680.38 bil VND

Bán mạnh cuối phiên, 2 sàn đóng cửa ở mức thấp nhất phiên

VN-Index giảm 1.92 điểm (-0.32%), đóng cửa tại mức 600.14 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, thân nến dài, đóng cửa ở mức thấp nhất trong phiên, chỉ số này vẫn trụ vững ở mốc tâm lý trên 600 điểm.

- MACD dừng đà tăng và có dấu hiệu giảm trở lại.
- Stochastic Oscillator chưa cho tín hiệu mua trở lại.
- MA10, MA20 vẫn tiếp tục gia tăng và sẽ là ngưỡng hỗ trợ tốt nếu chỉ số VN-Index tiếp tục điều chỉnh trong những phiên tới.
- RSI (14) sụt giảm về mức 67.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0.1 (0.8%)	13,402,510
HAG	0.1 (0.4%)	5,009,580
HQC	-0.3 (-3.8%)	3,881,150
ITA	-0.2 (-2.5%)	3,120,570
VHG	-0.2 (-2.0%)	2,835,230

HOSE Top 5 theo % tăng

MPC	2.8 (6.8%)	2,930
CCI	0.8 (6.8%)	10
HAI	1.4 (6.7%)	20
SGT	0.3 (6.7%)	9,030
SPM	1.5 (6.6%)	160,680

HOSE Top 5 theo % giảm

PGD	-2.6 (-7.0%)	171,680
KSA	-0.6 (-6.7%)	2,376,820
NHW	-0.7 (-6.7%)	8,750
VNH	-0.3 (-6.4%)	201,020
UDC	-0.4 (-6.3%)	272,870

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

PVD	13,2 tỷ	141,110
HPG	9,6 tỷ	167,860
GAS	9,5 tỷ	83,140
PPC	8,6 tỷ	362,780
HAG	7,6 tỷ	292,510

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

VIC	-33,0 tỷ	459,170
MSN	-14,4 tỷ	158,120
PXS	-2,3 tỷ	100,000
CSM	-2,2 tỷ	50,690
SPM	-2,0 tỷ	81,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	1,546,630	33.82

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT giao dịch tích cực ở phiên sáng nhờ lực cầu khối ngoại và lực cầu ở nhóm cổ phiếu Bluechips. Tuy nhiên lực bán mạnh về cuối phiên khiến VN-index giảm điểm.
- ▶ KLGD gia tăng và đạt 94 triệu đơn vị. Đây là mức thanh khoản trung bình, thanh khoản vẫn duy trì trên mức 80 triệu/phiên là dấu hiệu tốt trong GD này.
- ▶ Khối ngoại mua ròng mạnh trở lại 33,8 tỷ trong phiên hôm nay. Nhịp mua ròng vẫn tiếp tục diễn ra, khối này mua nhiều ở mã PVD, GAS, HPG, bán nhiều ở VIC, MSN.
- ▶ Áp lực điều chỉnh vẫn sẽ còn hiện hữu với chỉ số VN-Index, tuy nhiên lực điều chỉnh sẽ được hỗ trợ mạnh ở các mốc MA10 và MA20 tương đương với 590 - 595 điểm.
- ▶ NĐT tiếp tục cân nhắc chốt lời, chờ mua lại ở vùng hỗ trợ. Hạn chế mua đuổi giá và các mã chưa điều chỉnh nhiều.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	114.0	216,030.00	19.2	6.1	33.4%	22.6%
VNM	833.4	136.0	113,347.00	17.9	6.1	36.4%	29.1%
VCB	2,665.0	25.8	68,757.52	15.7	1.4	10.4%	1.0%
MSN	734.9	90.5	66,509.48	203.9	4.6	2.2%	0.7%
VIC	894.2	73.0	65,279.55	8.5	4.2	47.0%	11.1%
CTG	3,723.4	14.6	54,361.71	8.7	1.0	11.4%	1.1%
BID	2,811.2	15.3	43,011.40	9.0	1.2	14.2%	0.8%
BVH	680.5	42.7	29,056.13	23.5	2.3	10.0%	2.3%
HPG	481.9	56.5	27,227.81	11.7	2.3	25.0%	10.7%
PVD	275.5	92.5	25,486.40	12.1	2.5	21.7%	9.8%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

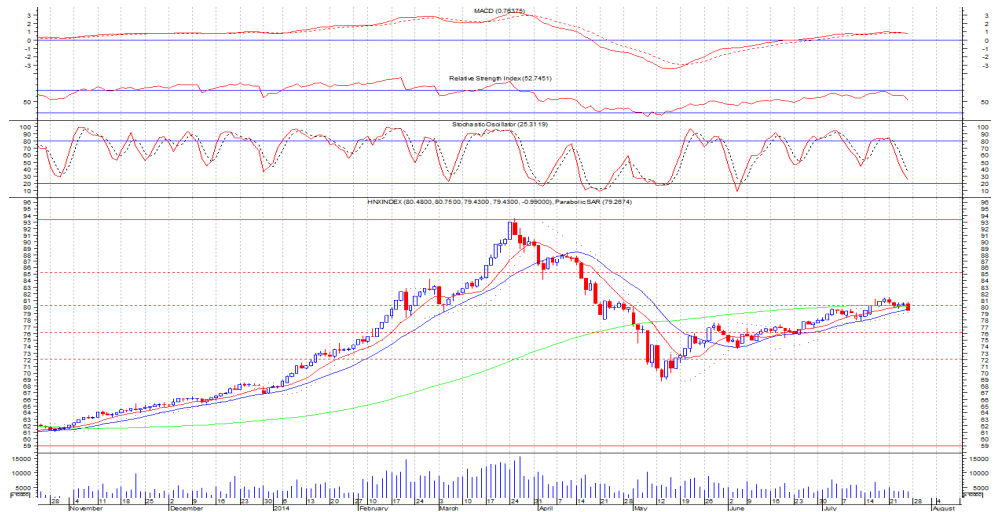
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	255.9	13.4	3,428.52	14.5	1.1	NA	TH.DOI
FPT	343.9	51.5	17,710.55	11.2	1.9	NA	TH.DOI
CII	112.9	21.6	2,437.81	17.7	1.6	NA	TH.DOI
BMP	45.5	71.5	3,251.71	8.9	2.1	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.4	692.55	5.0	0.8	NA	TH.DOI
FDC	27.6	19.0	524.59	1.9	0.8	NA	TH.DOI

HNX 25/07/2014 HNX-Index 79.43 -0.99 -1.23% 40,950,505 CP 521.05 bil. VND

Bán mạnh cuối phiên, 2 sàn đóng cửa ở mức thấp nhất phiên

Chỉ số HNX-Index giảm 0.99 điểm (-1.23%), đóng cửa tại mốc 79.43 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đỏ, thân nến dài, đóng cửa ở mức thấp nhất trong phiên. HNX-Index lùi về vùng MA20.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator sau khi cho tín hiệu bán ra tiếp tục sụt giảm mạnh.
- MACD cho tín hiệu bán ra ở phiên hôm nay.
- RSI (14) sụt giảm mạnh về mức 52.
- Áp lực điều chỉnh sẽ tiếp tục xuất hiện đối với HNX-Index trong những phiên sắp tới.



HNX Top 5 theo KLGD

PVX	0 (0.0%)	3,981,930
SCR	-0.3 (-3.4%)	3,971,270
PVS	-1 (-2.9%)	2,824,660
KLF	-0.2 (-1.7%)	2,659,530
FIT	-0.5 (-3.4%)	2,151,490

HNX Top 5 theo % tăng

MIM	0.5 (10.0%)	2,400
PSD	4.5 (9.9%)	20,400
GMX	1.1 (9.8%)	3,200
SGH	5.2 (9.8%)	200
API	1 (9.5%)	500

HNX Top 5 theo % giảm

CJC	-2.8 (-10.0%)	200
DZM	-0.5 (-10.0%)	13,300
TH1	-2.1 (-10.0%)	500
PCG	-0.8 (-9.5%)	300
CTC	-0.7 (-9.5%)	300

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	11,5 tỷ	341,031
VCG	3,2 tỷ	224,900
DBC	3,0 tỷ	129,000
CAN	1,0 tỷ	27,000
SD1	1,0 tỷ	159,100

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

PGS	-0,6 tỷ	17,800
EID	-0,5 tỷ	38,300
DXP	-0,4 tỷ	9,000
PFL	-0,1 tỷ	40,000
SED	-0,1 tỷ	5,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	1,094,184	21.90

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT giao dịch tích cực ở phiên sáng nhờ lực cầu khối ngoại và lực cầu ở nhóm cổ phiếu Bluechips. Tuy nhiên lực bán mạnh về cuối phiên khiến HNX-index giảm điểm.
- ▶ KLGD sụt giảm nhẹ và đạt 38 triệu đơn vị. Đây là mức thanh khoản trung bình, thể hiện phần nào sự cân bằng của lực cung và cầu hiện nay.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 22 tỷ trong phiên hôm nay. Đáng chú ý là khối này bán mạnh ở mã PGS, trong khi mua ròng mạnh ở PVS.
- ▶ Áp lực điều chỉnh vẫn sẽ còn hiện hữu với chỉ số HNX-Index, tuy nhiên lực điều chỉnh sẽ được hỗ trợ mạnh ở các mốc MA20 tương đương với 78 - 79 điểm.
- ▶ NĐT tiếp tục cân nhắc chốt lời, chờ mua lại ở vùng hỗ trợ. Hạn chế mua đuổi giá và các mã chưa điều chỉnh nhiều.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
PVS	446.7	33.0	14,741.11	10.0	1.8	19.3%	6.2%
ACB	909.8	15.3	13,919.64	18.4	1.1	6.1%	0.5%
SQC	110.0	80.0	8,800.00	165.8	7.5	-4.1%	-3.2%
SHB	886.1	8.8	7,797.53	9.8	0.8	7.9%	0.7%
VCG	441.7	13.6	6,007.27	14.0	1.1	8.3%	1.8%
OCH	200.0	25.4	5,080.00	36.3	2.4	6.3%	3.1%
PVI	225.4	19.8	4,463.20	16.0	0.8	4.6%	2.1%
NTP	56.3	51.1	2,878.94	9.7	1.7	23.8%	16.0%
LAS	77.8	34.2	2,661.85	6.9	1.8	27.5%	15.2%
VNR	131.1	19.9	2,608.41	7.5	0.8	14.5%	7.0%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	33.4	1,269.20	8.5	1.5	NA	TH.DOI
AAA	19.8	19.0	376.20	7.4	0.7	NA	TH.DOI
VND	96.9	15.4	1,492.82	14.8	1.3	NA	TH.DOI
NTP	56.3	51.1	2,878.94	9.7	1.7	NA	TH.DOI
PVC	50.0	22.8	1,140.00	13.8	1.3	NA	TH.DOI
DXP	7.9	38.8	305.55	6.2	1.4	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	66,509.48	13.73%	90.5	203.91	4.57	143,116	125,273	152,972
VIC	HOSE	894.2	65,279.55	13.68%	73.0	8.48	4.21	434,273	395,387	355,395
HPG	HOSE	481.9	27,227.81	13.62%	56.5	11.70	2.34	1,057,489	1,019,416	749,981
PVD	HOSE	275.5	25,486.40	9.64%	92.5	12.13	2.52	436,740	348,194	340,999
HAG	HOSE	718.2	18,600.21	8.07%	25.9	15.26	1.40	2,069,281	2,463,512	2,762,055
STB	HOSE	1,142.5	22,964.48	7.65%	20.1	10.60	1.52	344,542	370,342	1,519,818
VCB	HOSE	2,665.0	68,757.52	6.07%	25.8	15.73	1.37	225,558	271,283	506,808
DPM	HOSE	379.9	12,119.90	5.32%	31.9	6.44	1.40	644,656	740,026	1,002,609
ITA	HOSE	718.0	5,672.25	3.07%	7.9	102.44	0.75	3,538,047	5,000,996	5,256,426
BVH	HOSE	680.5	29,056.13	2.45%	42.7	23.47	2.31	115,915	144,001	303,514
KBC	HOSE	389.8	4,092.48	2.33%	10.5	25.73	0.80	1,081,845	1,297,151	1,018,116
HSG	HOSE	96.3	4,353.35	2.28%	45.2	10.97	2.03	78,256	111,222	129,920
GMD	HOSE	116.1	4,064.83	1.97%	35.0	128.26	0.87	95,334	118,518	245,228
VSH	HOSE	206.2	3,052.37	1.58%	14.8	14.49	1.16	506,993	724,879	502,911
PPC	HOSE	318.2	7,540.26	1.47%	23.7	8.37	1.39	756,938	587,920	466,378
CSM	HOSE	67.3	2,893.56	1.45%	43.0	8.27	2.16	473,189	530,741	410,304
DRC	HOSE	83.1	4,319.84	1.34%	52.0	11.97	2.90	331,905	328,697	230,720
HVG	HOSE	120.0	2,892.00	1.24%	24.1	15.02	1.24	455,375	413,878	554,888
PVT	HOSE	255.9	3,428.52	1.16%	13.4	14.51	1.11	1,292,250	1,477,582	1,071,532
DIG	HOSE	143.0	2,230.73	1.06%	15.6	42.44	0.95	136,080	165,500	232,204
OGC	HOSE	300.0	3,360.00	0.82%	11.2	50.33	1.07	1,052,816	1,197,726	1,606,287

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
STB	HOSE	1,142.5	22,964.48	7.67%	20.1	10.60	1.52	344,542	370,342	1,519,818
MSN	HOSE	734.9	66,509.48	7.43%	90.5	203.91	4.57	143,116	125,273	152,972
VCB	HOSE	2,665.0	68,757.52	7.31%	25.8	15.73	1.37	225,558	271,283	506,808
VIC	HOSE	894.2	65,279.55	6.29%	73.0	8.48	4.21	434,273	395,387	355,395
DPM	HOSE	379.9	12,119.90	5.63%	31.9	6.44	1.40	644,656	740,026	1,002,609
BVH	HOSE	680.5	29,056.13	5.63%	42.7	23.47	2.31	115,915	144,001	303,514
PVS	HNX	446.7	14,741.11	5.50%	33.0	9.99	1.78	2,688,867	2,600,413	2,115,128
PVD	HOSE	275.5	25,486.40	3.79%	92.5	12.13	2.52	436,740	348,194	340,999
ITA	HOSE	718.0	5,672.25	3.48%	7.9	102.44	0.75	3,538,047	5,000,996	5,256,426
SHB	HNX	886.1	7,797.53	3.36%	8.8	9.76	0.75	3,268,172	7,670,111	6,569,174
HAG	HOSE	718.2	18,600.21	3.27%	25.9	15.26	1.40	2,069,281	2,463,512	2,762,055
VCG	HNX	441.7	6,007.27	3.21%	13.6	13.95	1.12	876,568	1,036,460	1,607,449
OGC	HOSE	300.0	3,360.00	2.07%	11.2	50.33	1.07	1,052,816	1,197,726	1,606,287
DRC	HOSE	83.1	4,319.84	1.52%	52.0	11.97	2.90	331,905	328,697	230,720
GMD	HOSE	116.1	4,064.83	1.49%	35.0	128.26	0.87	95,334	118,518	245,228
PPC	HOSE	318.2	7,540.26	1.32%	23.7	8.37	1.39	756,938	587,920	466,378
PVT	HOSE	255.9	3,428.52	1.16%	13.4	14.51	1.11	1,292,250	1,477,582	1,071,532
PVX	HNX	400.0	1,760.00	0.00%	4.4	- 0.79	2.20	5,336,489	5,610,688	6,952,418

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	894.2	65,279.55	0.00%	73.0	8.48	4.21	434,273	395,387	355,395
MSN	HOSE	734.9	66,509.48	0.00%	90.5	203.91	4.57	143,116	125,273	152,972
DPM	HOSE	379.9	12,119.90	0.00%	31.9	6.44	1.40	644,656	740,026	1,002,609
HAG	HOSE	718.2	18,600.21	0.00%	25.9	15.26	1.40	2,069,281	2,463,512	2,762,055
VCB	HOSE	2,665.0	68,757.52	0.00%	25.8	15.73	1.37	225,558	271,283	506,808
STB	HOSE	1,142.5	22,964.48	0.00%	20.1	10.60	1.52	344,542	370,342	1,519,818
BVH	HOSE	680.5	29,056.13	0.00%	42.7	23.47	2.31	115,915	144,001	303,514
CTG	HOSE	3,723.4	54,361.71	0.00%	14.6	8.70	1.00	319,211	337,655	367,825
GAS	HOSE	1,895.0	216,030.00	0.00%	114.0	19.20	6.09	269,998	274,685	394,205

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	66,509.48	0.88%	90.5	203.91	4.57	143,116	125,273	152,972
VIC	HOSE	894.2	65,279.55	0.56%	73.0	8.48	4.21	434,273	395,387	355,395
STB	HOSE	1,142.5	22,964.48	0.31%	20.1	10.60	1.52	344,542	370,342	1,519,818
VCB	HOSE	2,665.0	68,757.52	0.24%	25.8	15.73	1.37	225,558	271,283	506,808
DPM	HOSE	379.9	12,119.90	0.15%	31.9	6.44	1.40	644,656	740,026	1,002,609
BVH	HOSE	680.5	29,056.13	0.08%	42.7	23.47	2.31	115,915	144,001	303,514

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	6,953	5.9	0.9	15.4%	10.5%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	18,259	7.0	1.4	20.0%	14.9%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,824	23.2	0.8	2.7%	1.6%
Sản xuất giấy	805	7.4	0.8	12.3%	6.4%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	39,215	20.9	2.0	18.6%	7.9%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,612	2.9	0.7	23.7%	5.1%
Khai khoáng	12,251	65.2	5.8	0.4%	0.1%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	21,634	17.9	1.3	11.6%	8.2%
Xây dựng	30,055	- 50.8	1.1	-3.2%	1.7%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,106	8.0	1.1	16.4%	8.6%
Công nghiệp phức hợp	812	6.7	1.6	13.6%	9.7%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,690	10.2	1.0	8.0%	3.8%
Thiết bị điện	1,738	- 16.2	0.9	0.4%	-0.6%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	41	13.6	0.6	4.1%	2.9%
Máy công nghiệp	8,611	6.6	1.4	21.4%	14.8%
Vận tải					
Vận tải thủy	8,823	- 3.0	0.9	3.9%	1.0%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,352	13.5	1.4	15.2%	11.5%
Dịch vụ vận tải	6,371	8.9	1.4	18.7%	11.8%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,570	11.1	1.3	13.6%	4.7%
Đào tạo & Việc làm	214	10.2	0.7	8.0%	2.6%
Nhà cung cấp thiết bị	178	8.3	0.8	10.3%	4.3%
Chất thải & Môi trường	163	2.5	0.7	35.0%	16.8%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	1,891	10.4	1.2	11.6%	6.8%
Lốp xe	7,929	9.8	2.5	26.8%	11.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	2,093	6.6	1.0	15.9%	8.3%
Vang & Rượu mạnh	360	14.3	1.5	17.1%	10.9%
Đồ uống & giải khát	243	7.0	1.2	14.2%	9.5%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	16,156	9.9	1.3	14.9%	6.5%
Thực phẩm	208,808	24.1	5.1	22.4%	17.3%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	54	14.7	0.7	4.6%	3.5%
Thiết bị gia dụng	2,134	8.4	1.0	12.2%	6.2%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	156	8.7	1.4	14.5%	10.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,163	8.6	1.5	17.8%	7.0%
Giày dép	8	- 1.1	0.5	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	4,898	10.1	1.7	16.4%	8.7%
Thuốc lá					
Thuốc lá	698	- 8.0	1.1	0.9%	4.0%

Chỉ số bình quân ngành		Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế						
Thiết bị và dịch vụ y tế						
Thiết bị y tế		920	16.5	1.0	4.9%	2.9%
Dụng cụ y tế		146	3.0	1.6	38.0%	16.3%
Dược phẩm						
Công nghệ sinh học		176	8.3	1.1	13.2%	9.3%
Dược phẩm		16,002	12.2	3.1	25.4%	16.6%
Bán lẻ						
Phân phối thực phẩm và dược						
Phân phối thực phẩm		266	50.0	0.8	1.7%	0.5%
Bán lẻ						
Bán lẻ phức hợp		671	12.7	1.1	12.4%	8.0%
Phân phối hàng chuyên dụng		2,434	9.3	1.5	16.4%	3.3%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí						
Truyền thông						
Dịch vụ truyền thông		10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa		1,024	8.5	0.9	11.9%	7.9%
Du lịch và giải trí						
Hàng không		-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn		5,687	35.6	2.3	6.0%	3.2%
Dịch vụ giải trí		2,232	27.8	1.3	15.2%	12.9%
Vận tải hành khách & Du lịch		2,283	16.8	2.6	22.6%	19.6%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin						
Viễn thông cố định						
Viễn thông cố định		64	15.0	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính						
Dịch vụ máy tính		594	24.0	0.8	3.2%	1.1%
Internet		333	70.2	0.8	1.1%	0.2%
Phần mềm		18,343	11.3	1.9	22.2%	9.6%
Thiết bị và phần cứng						
Phần cứng		432	14.8	0.7	4.2%	1.6%
Thiết bị văn phòng		272	5.3	0.9	20.0%	14.9%
Thiết bị viễn thông		8,848	21.7	1.1	32.3%	11.1%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt						
Sản xuất & phân phối điện						
Sản xuất & phân phối điện		23,379	-	6.0	1.3	-6.4%
Nước & khí đốt						
Phân phối xăng dầu & khí đốt		222,484	18.7	6.0	32.9%	22.1%
Nước		1,194	6.4	1.1	16.8%	11.1%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản						
Bảo hiểm phi nhân thọ						
Bảo hiểm phức hợp		1,149	5.1	0.8	15.5%	5.1%
Bảo hiểm phi nhân thọ		6,791	12.9	0.7	5.9%	2.7%
Tái bảo hiểm		2,648	7.5	0.8	14.5%	7.0%
Bảo hiểm nhân thọ						
Bảo hiểm nhân thọ		28,920	23.5	2.3	10.0%	2.3%
Dịch vụ tài chính						
Tài chính đặc biệt		3,420	50.3	1.1	2.1%	0.6%
Môi giới chứng khoán		25,749	14.4	1.4	8.2%	6.2%
Ngân hàng						
Ngân hàng		244,511	11.0	1.2	11.1%	0.9%
Bất động sản						
Bất động sản		141,411	11.9	2.6	27.6%	6.9%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản		9	2.4	0.7	33.6%	11.3%
Dầu khí						
Thiết bị, dịch vụ và phân phối						
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí		43,472	11.1	2.2	20.9%	8.5%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.